

Bản án số: 765/2025/HNGĐ-ST

Ngày 17/12/2025

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Tuyên.

Ông Nguyễn Văn Đạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 346/2025/TLST - HNGĐ ngày 08/10/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2025/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1990.

Căn cước công dân: 025190003870, cấp ngày 25/04/2021.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: **Anh Phạm Trung T1**, sinh năm 1985.

Căn cước công dân: 001085036931, cấp ngày 12/03/2025.

Địa chỉ: Thôn H, xã T, thành phố Hà Nội.

Có mặt chị Nguyễn Thị T, vắng mặt anh Phạm Trung T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/12/2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Trung T1 tìm hiểu nhau một thời gian thì đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 17/09/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị thuê nhà sinh sống tại Khu công nghiệp B để tiện đi làm, đến năm 2015 thì vợ chồng chị xây nhà trên đất của bố mẹ chồng rồi chuyển về sinh sống tại thôn H, xã T, thành phố Hà Nội đến khi vợ chồng ly thân. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh T1 tính tình cục cằn, cáu bẳn nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô sát. Gia đình hai bên nhiều lần khuyên nhủ, hòa giải cho chúng chị nhưng không có kết quả, vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng mỗi người một nơi, tình cảm nguội lạnh. Đến tháng 6/2025, chị đi thuê nhà và chuyển ra ngoài sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau. Trước khi gửi đơn ly hôn, chị đã trao đổi, thỏa thuận với anh T1 về việc ly hôn, anh T1 cũng không còn tình cảm gì với chị nhưng không hợp tác, muốn gây khó khăn cho chị nên bảo chị tự giải quyết, anh T1 sẽ không đến Tòa án làm việc. Đến nay chị xác định không còn tình cảm gì với anh T1, cuộc sống chung không hạnh phúc, đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh T1 để chị sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 04/07/2010 và Phạm Công S, sinh ngày 17/02/2012, hiện hai con đang sống cùng bố. Ly hôn, do các con muốn sống cùng bố và bản thân chị đang phải thuê nhà, không có nơi ở ổn định nên chị xin để anh T1 nuôi con và chị sẽ có trách nhiệm chu cấp cho các con ăn học và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện chị là công nhân, thu nhập bình quân của chị là 10.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, nợ chung, công sức đóng góp: Chúng chị không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị xin chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn là anh Phạm Trung T1:** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và nhiều lần triệu tập anh Phạm

Trung T1 nhưng anh Phạm Trung T1 không đến Tòa làm việc. Tòa án đã phối hợp với UBND xã P đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của anh Phạm Trung T1 nhưng anh Phạm Trung T1 vắng nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của anh Phạm Trung T1.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Trung T1.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 04/07/2010 và Phạm Công S, sinh ngày 17/02/2012 cho anh Phạm Trung T1 trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Phạm Trung T1 đến khi có điều kiện và các bên có yêu cầu hoặc có quyết định khác của Tòa án.

- Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Anh Phạm Trung T1 đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại thôn H, xã T, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Phạm Trung T1 nhưng tại phiên tòa hôm nay, anh Phạm Trung T1 vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Phạm Trung T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 157/2005 ngày 17/09/2009. Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 là hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của chị Nguyễn Thị T cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Sau khi kết hôn, chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Trung T1 chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, chia sẻ với nhau các vấn đề trong cuộc sống, gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không có kết quả, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập và tiến hành hòa giải cho chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 nhưng anh Phạm Trung T1 đều vắng mặt, thể hiện thái độ bỏ mặc, không hợp tác nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời qua xác minh tại địa phương, nơi anh chị cư trú cho thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Phạm Trung T1 là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T, anh Phạm Trung T1 có 02 con chung là Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 04/07/2010 và Phạm Công S, sinh ngày 17/02/2012.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không lấy được lời khai của anh Phạm Trung T1 nên không xác định được quan điểm của anh Phạm Trung T1 về vấn đề con chung. Tuy nhiên, căn cứ vào điều kiện thực tế của chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 thì chị Nguyễn Thị T hiện đang phải thuê nhà, không có nơi ở ổn định; anh Phạm Trung T1 có nơi cư trú và thu nhập ổn định để đảm bảo cuộc sống của bản thân và nuôi con, đồng thời cháu Phạm Thị Thùy L, cháu Phạm Công S đều đang sống ổn định cùng anh Phạm Trung T1 và có nguyện

vọng muốn sống cùng bố. Do đó để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần, tránh những xáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Thị Thùy L, cháu Phạm Công S cho anh Phạm Trung T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Tuy nhiên, chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của các bên không yêu cầu Tòa giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của tại Điều 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Điều 143, 147, 227, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Điều 25 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xö:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Phạm Trung T1.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Trung T1 có 02 con chung là Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 04/07/2010 và Phạm Công S, sinh ngày 17/02/2012.

Giao cháu Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 04/07/2010 và Phạm Công S, sinh ngày 17/02/2012 cho anh Nguyễn Trung T2 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định có hiệu lực pháp luật khác của Tòa án thay thế.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội theo biên lai thu số: 0010609 ngày 08/10/2025.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Phạm Trung T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận

- Đương sự;
- THADS thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 7 - Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã Trung Giã, TP Hà Nội;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số: 108, quyền số 01/2009 ngày 17/9/2009);
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng

